

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN S
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **126/2019/HNGĐ-ST**

Ngày 31 tháng 5 năm 2019

*“V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình giữa ông
Nguyễn Văn S và bà Vi Thị L”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH TUYÊN QUANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bàn Văn Thế.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Xuyên.

Bà Nguyễn Thị Thu Thủy.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Bùi Trần Thị Minh Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Tất Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 31/5/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2019/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 01 năm 2019, về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25/4/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2019/QĐST-HNGĐ ngày 15/5/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1960.

Bị đơn: Bà Vi Thị L, sinh năm 1960.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Ông S, bà L đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/01/2019, bản tự khai ngày 29/01/2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông (Nguyễn Văn S) với bà Vi Thị L kết hôn với nhau vào ngày 12/5/1986, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Nông trường T (nay là UBND thị trấn S) huyện S, tỉnh Tuyên Quang, trên cơ sở hai bên đều tự

nguyện, tự do tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông bà cùng về công tác tại Nhà máy chè T (nay là Công ty chè T). Thời gian đầu vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống sinh hoạt, không còn tình cảm và sự tôn trọng lẫn nhau. Sự việc đã được chính quyền địa phương và hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Đã hai lần ông gửi đơn ra Tòa án xin ly hôn bà Vi Thị L và tại Bản án sơ thẩm số 166/2017/HNGĐ-ST ngày 24/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện S đã xử bác yêu cầu khởi kiện của ông, ông kháng cáo và tại Bản án phúc thẩm số 11/2017/HNGĐ-PT ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm; sau đó ông tiếp tục gửi đơn đến Tòa án yêu cầu giải quyết ly hôn với bà L, nhưng ông đã rút đơn khởi kiện nên Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án (Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 399/2018/QĐST-HNGĐ ngày 13/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện S). Mục đích ông rút đơn về để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ với nhau nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không tốt hơn mà mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông tiếp tục yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Vi Thị L.

Về con chung: Ông và bà Vi Thị L có hai người con chung là chị Nguyễn Thị Minh A, sinh năm 1986 và chị Nguyễn Thùy B, sinh năm 1991. Hiện nay con chung của ông bà đều đã trưởng thành, có khả năng lao động nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: Ông xác định ông và bà L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Ông và bà L không có vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 25/01/2019 và tại phiên tòa, bà Vi Thị L trình bày:

Bà (Vi Thị L) và ông Nguyễn Văn S kết hôn vào ngày 12/5/1986 trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Nông trường Tân Trào (nay là thị trấn S) huyện S, tỉnh Tuyên Quang, như ông S trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông bà cùng về công tác tại Nhà máy chè Tân Trào (nay là Công ty chè Tân Trào). Thời gian đầu vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc, đến tháng 3 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông S yêu cầu mang tiền đi để đầu tư làm trang trại, nhưng vì gia đình không có tiền, bà cũng không muốn đi vay tiền cho ông đầu tư làm trang trại, vì cả hai ông bà tuổi cũng đã cao, không đảm bảo sức khỏe để làm, từ đó vợ chồng xảy ra

mâu thuẫn, cãi vã. Sau đó ông S bỏ đi làm ăn, thỉnh thoảng mới về nhà. Năm 2017, ông S đã gửi đơn ra Tòa xin ly hôn với bà, kết quả Tòa án cấp sơ thẩm xử bác đơn, ông S kháng cáo nhưng cấp phúc thẩm xử giữ nguyên bản án sơ thẩm, đến năm 2018 ông S lại gửi đơn ra Tòa, sau đó rút đơn khởi kiện nên Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án. Bà xác định mặc dù vợ chồng có mâu thuẫn trong cuộc sống sinh hoạt và đã nhiều lần ra Tòa giải quyết việc ly hôn, nhưng bà vẫn còn tình cảm vợ chồng với ông S nên đề nghị Tòa án xem xét để ông bà được đoàn tụ, cùng vun vén xây dựng gia đình, động viên nhau và là chỗ dựa cho con cháu.

Về con chung, tài sản và vay nợ chung: Do bà không nhất trí ly hôn nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 147, 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử cho ông Nguyễn Văn S được ly hôn với bà Vi Thị L. Ông S phải chịu án phí sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn S và bà Vi Thị L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, làm ăn kinh tế. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng ly thân từ đầu năm 2016 đến nay.

Quá trình Tòa án xác minh tại địa phương xác định: Mâu thuẫn giữa vợ chồng ông S, bà L là thực tế và đã trầm trọng, ly thân đã lâu, không còn quan tâm đến nhau và cả hai không có biện pháp để cải thiện quan hệ vợ chồng, thực tế cuộc sống chung của vợ chồng đã không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể duy trì và xây dựng một gia đình hạnh phúc, tiến bộ; đã nhiều lần ông S gửi đơn ra Tòa để làm thủ tục ly hôn. Do vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S, xử cho ông Nguyễn Văn S được ly hôn với bà Vi Thị L theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình là phù hợp và có căn cứ.

[2] Về con chung: Ông Nguyễn Văn S và bà Vi Thị L có hai người con chung là chị Nguyễn Thị Minh A, sinh năm 1986 và chị Nguyễn Thùy B, sinh năm 1991. Hiện nay con chung của ông bà đều đã trưởng thành, có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung: Các bên đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về nợ chung: Ông Nguyễn Văn S và bà Vi Thị L cùng xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Văn S phải nộp án phí sơ thẩm; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 147, 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Nguyễn Văn S được ly hôn với bà Vi Thị L.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn S phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0000782 ngày 17 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S.

Bà Vi Thị L không phải nộp án phí.

Ông Nguyễn Văn S và bà Vi Thị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án (31/5/2019).

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Ngọc Xuyên Nguyễn Thị Thu Thủy

Bàn Văn Thế

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện S;
- THADS huyện S;
- UBND TT S;
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Bàn Văn Thế

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Xuyên Nguyễn Thị Thu Thủy

Bàn Văn Thế

